

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triển.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Nhanh.

2. Ông Nguyễn Tăng Gô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 182/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc G - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện D, tỉnh Long An. (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Văn Q - Sinh năm 1971 - Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện D, tỉnh Long An. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2017, các văn bản tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc G trình bày và yêu cầu: Bà và ông Phan Văn Q cưới nhau vào tháng 02 năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Long An ngày 17/12/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, ông Q không tôn trọng bà nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hiện bà và ông Q đã ly thân từ tháng 10/2017 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn Q.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Phan Văn Toàn, sinh ngày 02/01/1994, Phan Văn Toàn, sinh ngày 19/10/1996 và Phan Thị Kim Ngân, sinh ngày 11/01/2004, hiện các con chung đang sống với cha mẹ. Khi ly hôn, bà G không yêu cầu giải quyết đối với con chung Phan Văn Toàn, Phan Văn Toàn vì đã thành niên; bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Phan Thị Kim Ngân và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2017 và các văn bản tiếp theo bị đơn ông Phan Văn Q trình bày và yêu cầu: Ông thống nhất phần trình bày của bà G về ngày tháng, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, về con chung và không có tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là giữa chúng ông và bà G không có mâu thuẫn gì, bà G tự ý bỏ nhà đi đâu không rõ lý do, lâu lâu có về thăm nhà. Hiện nay vợ chồng ông vẫn chưa ly thân hẳn.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Trúc G.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Phan Văn T, sinh ngày 02/01/1994, Phan Văn T1, sinh ngày 19/10/1996 và Phan Thị Kim N, sinh ngày 11/01/2004, hiện các con chung đang sống với cha mẹ. Nếu ly hôn, ông Q không yêu cầu giải quyết đối với con chung Phan Văn Toàn, Phan Văn Toàn vì đã thành niên; đối với Phan Thị Kim Ngân nếu có nguyện vọng sống theo ai người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo.

- Về quan điểm xử lý vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cụ thể: về hôn nhân bà Nguyễn Thị Trúc G được ly hôn với ông Phan Văn Q và giao con chung Phan Thị Kim Ngân, sinh ngày 11/01/2004 cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn bà G vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà G, ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Trúc G khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phan Văn Q có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại ấp 2, xã M, huyện D, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc G vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phan Văn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét đơn khởi kiện của bà G theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Ông Phan Văn Q được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Q không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật

[4] Bà G và ông Q chung sống có đăng ký kết hôn ngày 07/6/2002 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà G và yêu cầu đoàn tụ của ông Q, Hội đồng xét xử nhận định: Bà G và ông Q không ai cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, bà G cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng gay gắt về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã; qua lời trình bày của bà G Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa bà G và ông Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay và tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mối quan hệ vợ chồng chấm dứt từ khi ly thân. Do đó, việc bà G yêu cầu ly hôn với ông Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về nuôi con chung: Bà G và ông Q không yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với con Phan Văn T, sinh ngày 02/01/1994, Phan Văn T1, sinh ngày 19/10/1996, vì con chung đã thành niên. Xét yêu cầu nuôi con chung của bà G và con chung có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi của ông Q, Hội đồng xét xử

nhận định; con chung Phan Thị Kim N, sinh ngày 11/01/2004 có nguyện vọng sống chung bà G là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Xét việc bà G không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[8] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông Q trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà G là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông Q không phải chịu tiền án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc G được ly hôn với ông Phan Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Con chung Phan Văn T, sinh ngày 02/01/1994, Phan Văn T1, sinh ngày 19/10/1996, vì con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị Trúc G được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phan Thị Kim N, sinh ngày 11/01/2004, hiện con chung đang sống với bà G. Ông Phan Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Q được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà G và ông Q có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0008054 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quý Tây (để biết)
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Triển